CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên

Ngày 30/06/2025	165,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	10.8%	-	-

DT thuần
Q2/25
143
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.00| 6.9%
YoY: ▲ 76.0| 114%

LN thuần
Q2/25
115
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 32.0| 38.6%
YoY: ▲ 37.8| 49.0%

LN sau thuế
Q2/25
99.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 30.7| 44.4%
YoY: ▲ 34.0| 51.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
85.1%
YoY: +/-▲ 16.7%

ROE (TTM)
Q2/25
29.9%
YoY: +/-▲ 0.8%

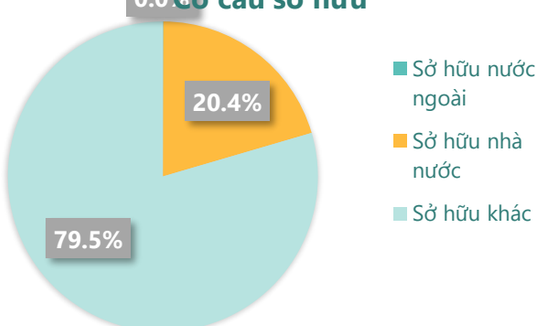
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	124,492 - 231,613
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,979
Số lượng CPLH (CP)	23,999,980
KLGD BQ 20 phiên (CP)	44,600
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.56
EPS	14,765
P/E	11.2

DT thuần
6T 2025
277
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 153| 124%

LN thuần
6T 2025
198
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 43.0| 27.5%

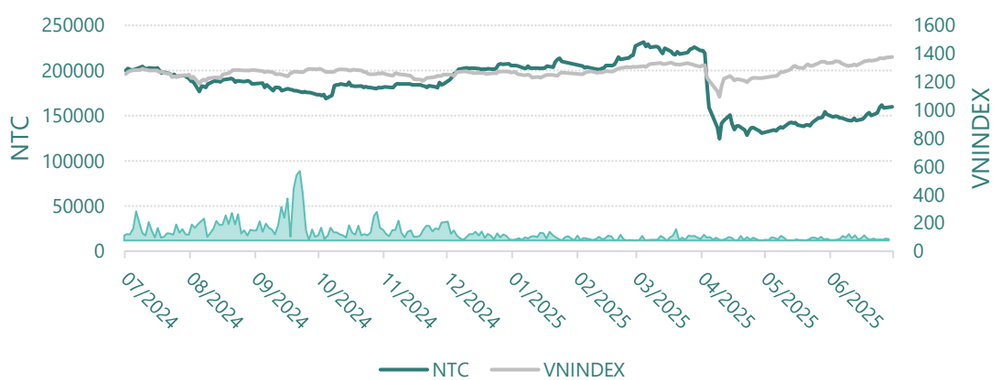
LN sau thuế
6T 2025
169
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 38.0| 28.8%

Cơ cấu sở hữu

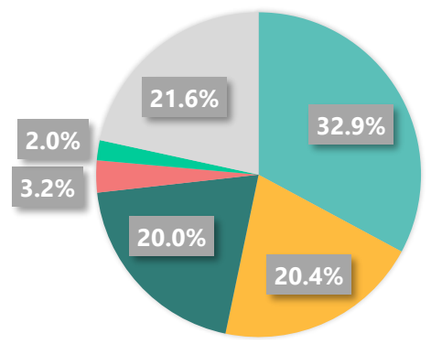


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

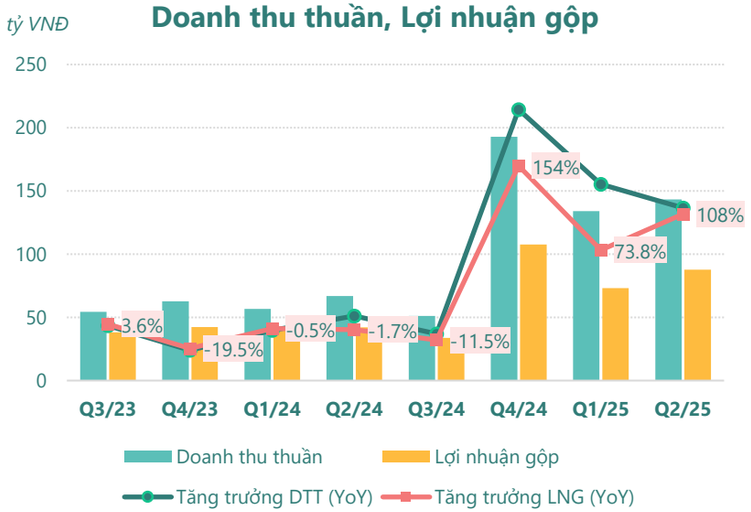


- CTCP Cao su Phước Hòa
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP
- CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG
- Nguyễn Thị Thanh Thủy
- CTCP Đầu tư và Phát triển VRG Long Thành
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

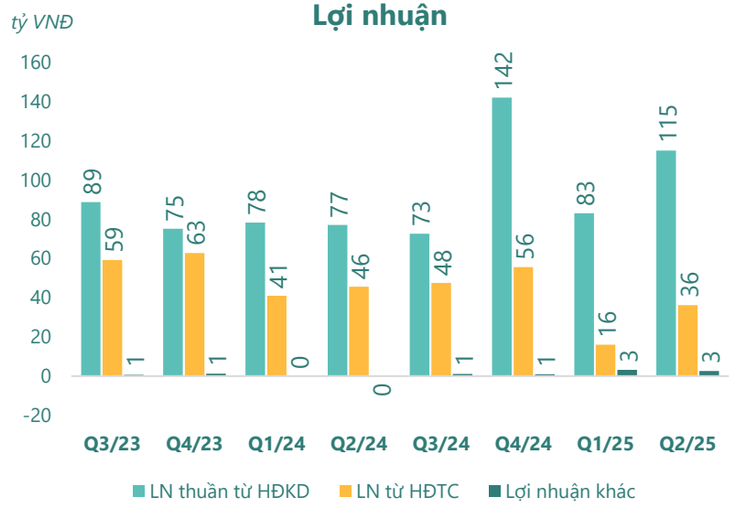
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



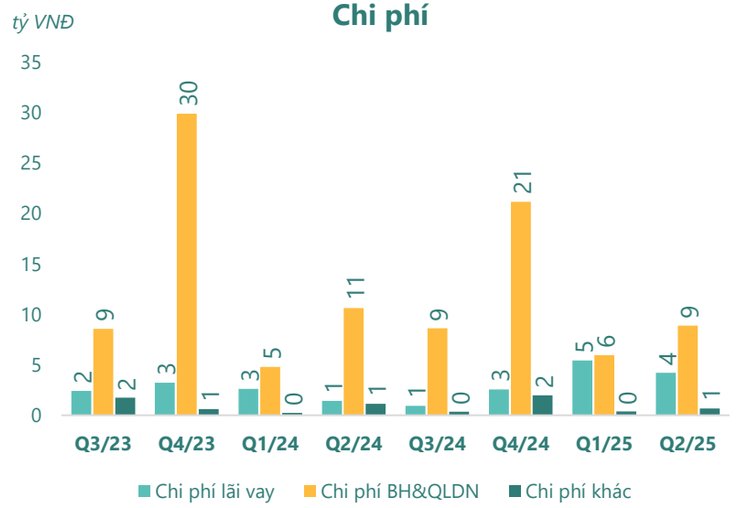
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



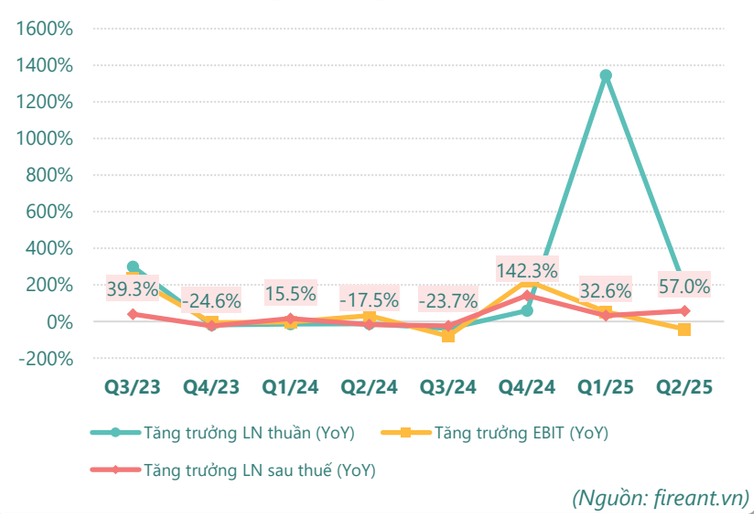
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



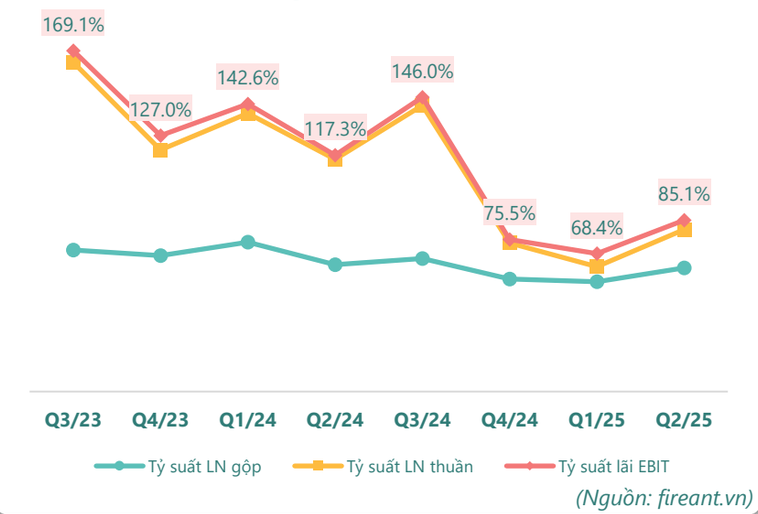
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



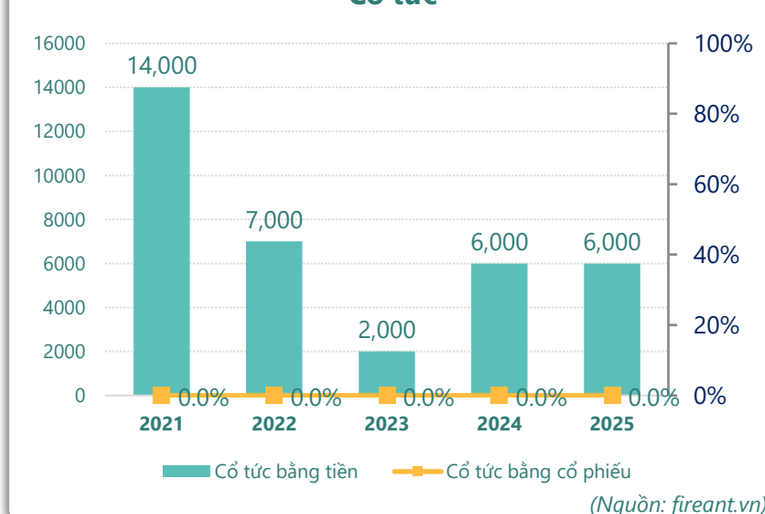
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

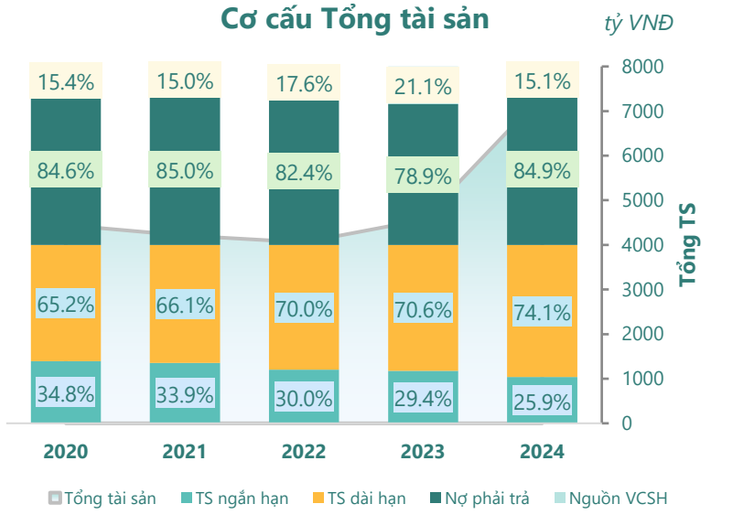
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

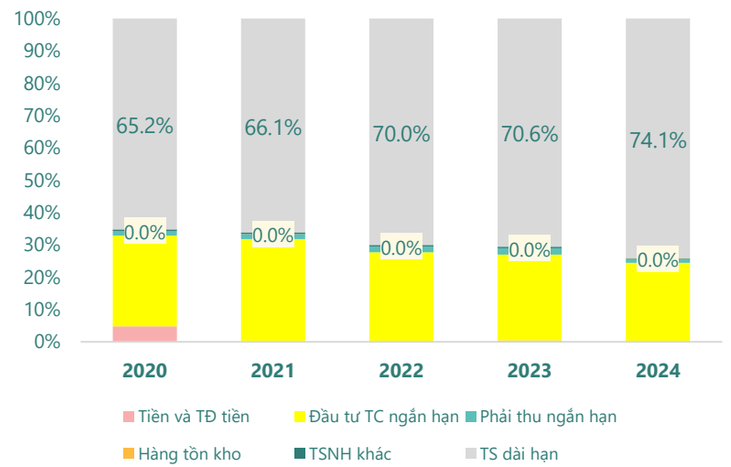
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



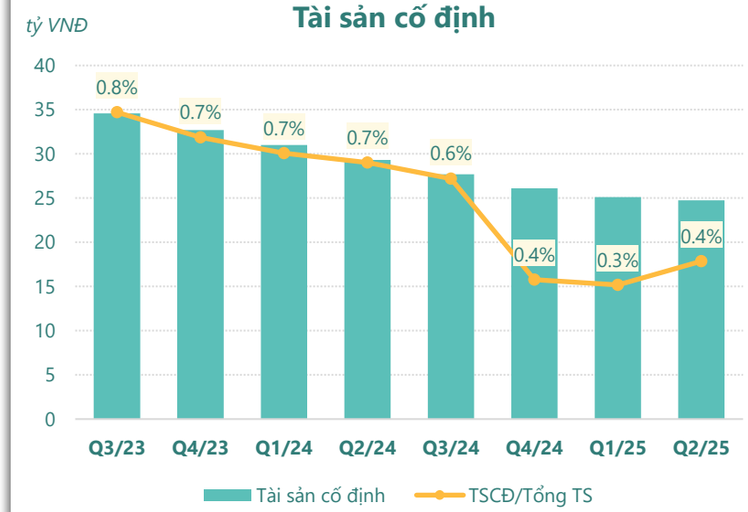
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



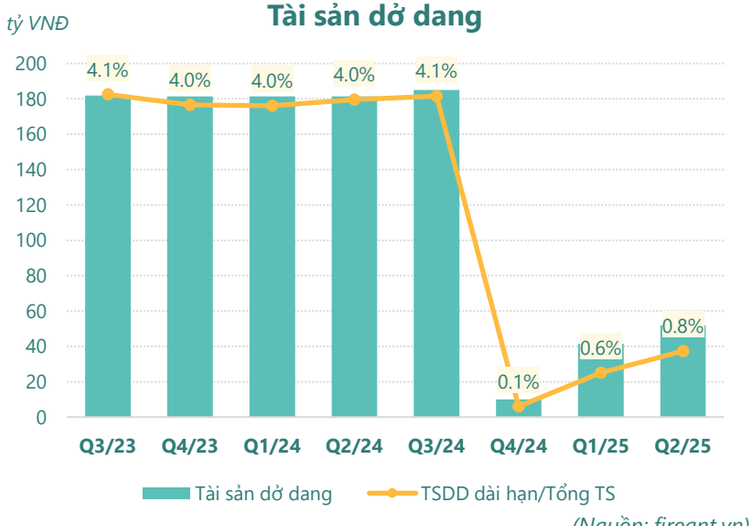
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



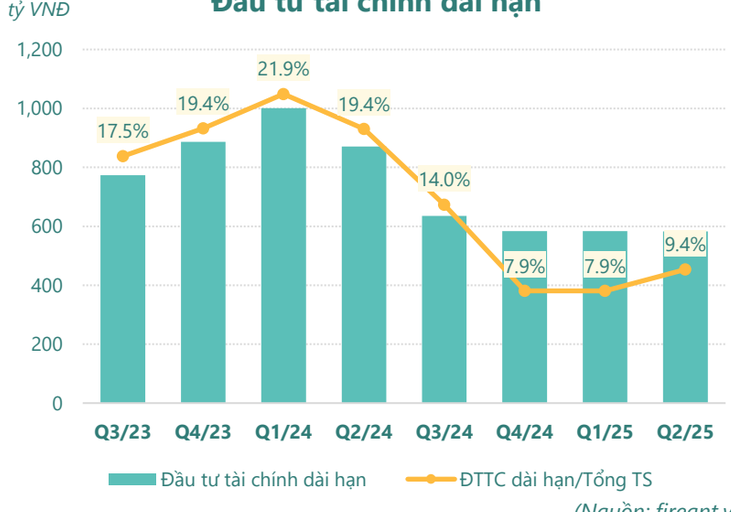
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



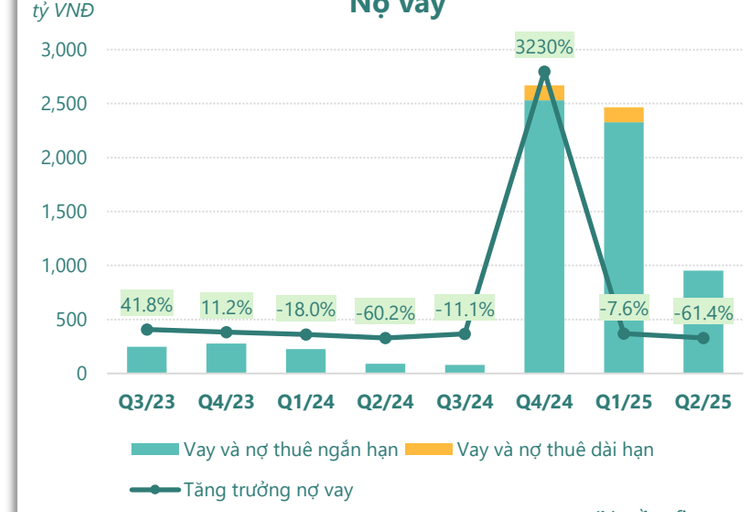
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

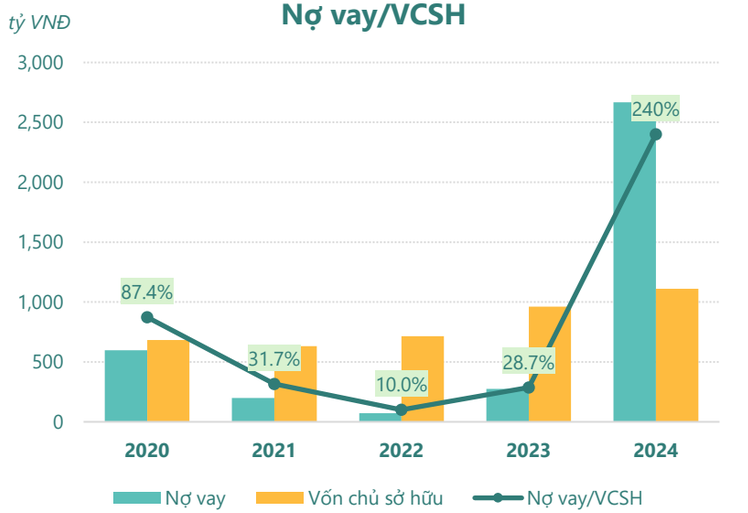
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

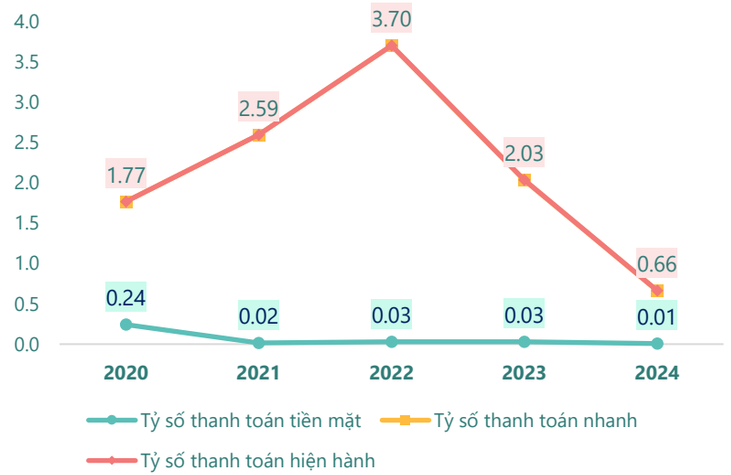
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



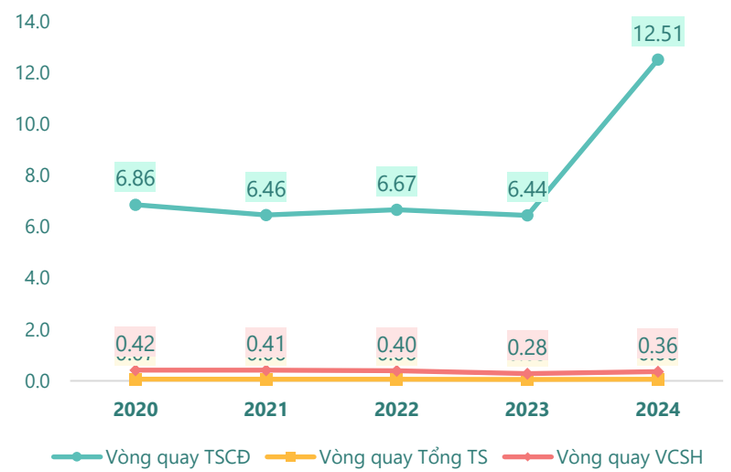
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



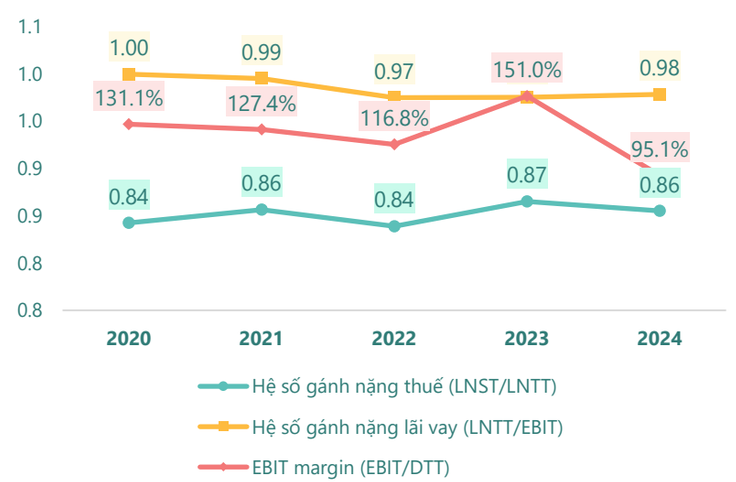
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



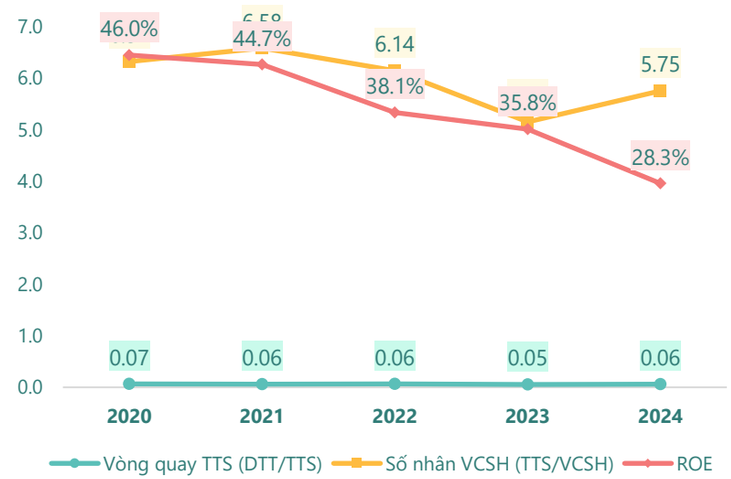
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



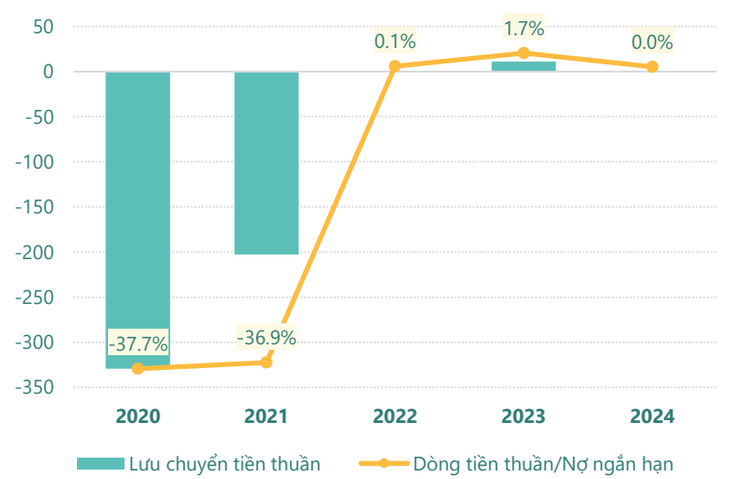
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**143**	**67.0**	**114%**	**277**	**124**	**124%**
Giá vốn hàng bán	55.4	24.8	124%	117	39.5	195%
Lợi nhuận gộp	87.8	42.2	108%	161	84.2	91.0%
Doanh thu HĐTC	42.9	47.2	-9.2%	65.2	90.9	-28.3%
Chi phí TC	6.71	1.51	344%	13.1	4.22	210%
Chi phí lãi vay	4.21	1.42	197%	9.66	4.04	139%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.12	0.61	-81.1%	1.02	0.88	16.2%
Chi phí QLDN	**8.79**	**10.0**	**-12.1%**	**13.8**	**14.6**	**-5.0%**
LN thuần từ HĐKD	115	77.2	49.0%	198	155	27.5%
Lợi nhuận khác	**2.58**	**-0.03**	**8705%**	**5.83**	**-0.03**	**19633%**
LN trước thuế	118	77.2	52.4%	204	155	31.2%
Lợi nhuận sau thuế	**99.7**	**65.7**	**51.7%**	**169**	**131**	**28.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**99.7**	**65.7**	**51.7%**	**169**	**131**	**28.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	45.8	12.2	22.2	-2,321	179	243
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	36.0	92.7	-27.1	-111	241	1,061
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-49.7	-136	-10.0	2,445	-203	-1,514
Tiền đầu kỳ	20.5	52.6	21.4	6.52	20.2	238
Lưu chuyển tiền thuần	**32.0**	**-31.2**	**-14.9**	**13.7**	**218**	**-210**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	52.6	21.4	6.52	20.2	238	27.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**6,166**	**7,357**	**-16.2%**
Tài sản ngắn hạn	748	1,905	-60.7%
Tiền và tương đương tiền	27.5	20.2	35.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	535	1,779	-69.9%
Phải thu ngắn hạn	178	88.8	100.0%
Hàng tồn kho	1.42	0.79	79.3%
Tài sản ngắn hạn khác	5.97	15.7	-62.0%
Tài sản dài hạn	**5,419**	**5,452**	**-0.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	24.8	26.1	-5.1%
Bất động sản đầu tư	283	300	-5.6%
Tài sản dở dang	51.9	25.4	104%
Đầu tư tài chính dài hạn	582	583	-0.2%
Tài sản dài hạn khác	**4,477**	**4,518**	**-0.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,889	6,246	-21.7%
Nợ ngắn hạn	**1,493**	**2,866**	**-47.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	951	2,530	-62.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.16	2.64	95.6%
Nợ dài hạn	3,396	3,379	0.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	138	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,278**	**1,111**	**15.0%**
Vốn chủ sở hữu	**1,278**	**1,111**	**15.0%**
Vốn điều lệ	240	240	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)